

# Xây dựng hệ thống chỉ tiêu đánh giá chất lượng quản trị tài sản nợ, tài sản có của ngân hàng thương mại

ThS. TRỊNH HỒNG HẠNH

Học viện Ngân hàng

*Sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008, các ngân hàng thương mại (NHTM) đã nhận thấy rõ tầm quan trọng của quản trị tài sản nợ, tài sản có (ALM). Đặc trưng hoạt động của ngân hàng chủ yếu là “huy động vốn để cho vay”, tạo ra các công cụ nợ (TSN) và tài sản tài chính (TSC) mà thu nhập lãi ròng cũng như giá trị của nó phụ thuộc rất lớn vào biến động của các yếu tố thị trường. Việc các ngân hàng không kiểm soát được chênh lệch kỳ hạn giữa TSN và TSC, tăng trưởng tín dụng quá mức không kèm theo kiểm soát chất lượng, không tạo dự trữ thanh khoản, ... làm cho các NH rơi vào trạng thái mất khả năng thanh khoản và thiệt hại về thu nhập lãi cũng như sụt giảm vốn của ngân hàng, đặc biệt những rủi ro này đã càng trầm trọng hơn khi mất cân đối kinh tế vĩ mô toàn cầu như trong cuộc khủng hoảng 2008. Bởi vậy, nâng cao chất lượng ALM của các NHTM là vấn đề cần thiết nhằm quản trị tốt được rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất, làm tăng thu nhập lãi và tăng giá trị ròng của ngân hàng. Mục đích của bài viết là khái quát những vấn đề về ALM của NHTM từ đó xây dựng hệ thống các chỉ tiêu đánh giá chất lượng ALM của NHTM nhằm nâng cao chất lượng ALM cho các ngân hàng.*

**1. Khái quát về ALM của các ngân hàng thương mại**

**1.1. Khái niệm ALM của**

**ngân hàng thương mại**

Cho tới nay, đã có rất nhiều khái niệm ALM của NHTM:

ALM của NHTM là một quá trình liên tục được điều chỉnh trong việc lập kế hoạch, tổ chức và kiểm soát các TSC và TSN về khối lượng, cơ cấu, thời gian đáo hạn, lãi suất và chi phí để duy trì thanh khoản và thu nhập lãi thuần cho ngân hàng[4, tr2].

ALM được xem như một nỗ lực để làm phù hợp TSC với TSN về kỳ hạn và sự nhạy cảm lãi suất nhằm giảm thiểu rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất cho ngân hàng[7, tr13].

ALM quan tâm tới chiến lược quản trị bảng Cân đối kế toán, trong đó bao gồm các rủi ro gây ra bởi những thay đổi về lãi suất và trạng thái thanh khoản của ngân hàng. Mấu chốt của ALM là quản trị 2 loại rủi ro: Rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất[1, tr10].

Như vậy, ALM của NHTM là quá trình đưa ra tập hợp các quyết định về sự cân xứng và bất cân xứng giữa TSN và TSC (trong sổ ngân hàng) nhằm đạt được các mục tiêu kinh doanh trong khi các rủi ro liên quan tuân theo khẩu vị rủi ro của ngân hàng. Trong đó, sổ ngân hàng ghi nhận những TSN, TSC thuộc hoạt động truyền

thống của ngân hàng, như: cho vay, tiền gửi, những công cụ tài chính giữ đến khi đáo hạn, không chủ động kinh doanh trên thị trường và không bán cho bên thứ 3. Các rủi ro liên quan là những rủi ro thuộc phạm vi của ALM gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất.

### **1.2. Mục tiêu ALM của ngân hàng thương mại**

Mục tiêu của ALM là tạo lập và thực hiện được các chiến lược củng cố Bảng cân đối kế toán nhằm đảm bảo rằng ngân hàng sẽ đạt được những mục tiêu đề ra. Các mục tiêu chủ yếu của ALM bao gồm:

*Thứ nhất, gia tăng lợi nhuận từ quản trị Bảng Cân đối kế toán của ngân hàng, tức là ALM phải đánh giá, thiết lập được cấu trúc tổng thể Bảng Cân đối kế toán nhằm gia tăng thu nhập từ các TSC và giảm thiểu chi phí cho các TSN, từ đó tăng lợi nhuận cho ngân hàng.*

*Thứ hai, quản trị được các rủi ro thuộc phạm vi của ALM.* Mặc dù các rủi ro phát sinh liên quan đến TSN, TSC được phản ánh trong “sổ ngân hàng” bao gồm cả các rủi ro tín dụng và rủi ro hoạt động, nhưng xét về chức năng của ALM theo thông lệ quốc tế và mô hình quản trị rủi ro hiện đại thì ALM cần quản trị được 2 loại rủi ro, xuất phát từ bản chất trong hoạt động ngân hàng là luôn có sự chênh lệch về kỳ hạn giữa TSN và TSC, đó là rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất.

Trong đó, quản trị rủi ro thanh khoản cần đảm bảo khả

năng đáp ứng tất cả các nghĩa vụ trả nợ vào bất cứ lúc nào, bao gồm cả trong điều kiện thị trường bất lợi; tối thiểu hoá chi phí của lợi nhuận bị bỏ qua trên thanh khoản nhân rồi; đồng thời tránh thêm chi phí cho việc đi vay khẩn cấp và thanh lý tài sản bất buộc.

Quản trị rủi ro lãi suất yêu cầu ngân hàng phải bảo vệ được thu nhập lãi thuần của mình trước sự biến động của lãi suất thị trường. Lợi nhuận của ngân hàng và lãi suất chủ yếu phụ thuộc vào cấu trúc Bảng Cân đối kế toán. Một ngân hàng được quản trị tốt và kiểm soát chặt chẽ rủi ro lãi suất có thể đạt được lợi nhuận bất kể lãi suất tăng hay giảm, ở mức độ thấp hay cao. Đồng thời tối đa hóa hoặc ít nhất là bảo vệ giá trị ròng của ngân hàng (giá cổ phiếu) với mức rủi ro hợp lý. Khi lãi suất thị trường thay đổi có ảnh hưởng đến giá trị thị trường của TSC và TSN, làm thay đổi giá trị vốn chủ sở hữu. Do vậy, ALM cần bảo toàn và gia tăng giá trị ròng của ngân hàng trước sự biến động của lãi suất thị trường thông qua bất kỳ biện pháp nào có thể.

*Thứ ba, đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật* có liên quan đến ALM của ngân hàng, cho dù ngân hàng có theo đuổi các mục tiêu trên nhưng không phải là tìm cách đạt được bằng mọi giá mà vẫn phải đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành. Bởi việc tuân thủ các quy định này cũng chính là để giúp cho ngân hàng hoạt động an

toàn hơn, bền vững hơn, tránh rủi ro mang tính hệ thống có thể xảy ra.

### **1.3. Nội dung ALM của ngân hàng thương mại**

#### **1.3.1. Quản trị cấu trúc bảng Cân đối kế toán của ngân hàng**

Quản trị cấu trúc bảng Cân đối kế toán là nhằm gia tăng lợi nhuận cho ngân hàng. Trên cơ sở dự báo sự biến động của các nhân tố thị trường và chiến lược kinh doanh của ngân hàng, bộ phận ALM xây dựng cấu trúc bảng Cân đối kế toán cần đảm bảo phù hợp về kỳ hạn, loại tiền giữa TSC và TSN; đảm bảo sự phù hợp giữa tài sản sinh lời và tài sản cho mục đích thanh khoản, đạt được sự hài hòa giữa mục đích lợi nhuận và sự an toàn cũng như đảm bảo sự hợp lý về tính ổn định và chi phí của các nguồn vốn.

Công cụ để quản trị Cấu trúc Bảng Cân đối kế toán có thể sử dụng là kế hoạch cân đối nguồn vốn và sử dụng vốn, trong đó đưa ra các chỉ tiêu kế hoạch về quy mô, cơ cấu TSN, TSC. Đó sẽ là cơ sở để kiểm tra, đánh giá việc thực hiện trên thực tế so với kế hoạch như thế nào. Cụ thể, quản trị cấu trúc Bảng Cân đối kế toán gồm những nội dung sau:

- *Quản trị quy mô, cơ cấu TSC:* Là việc NH tổ chức quản trị tốc độ tăng trưởng TSC, danh mục TSC, điều chỉnh phân bổ từng tỷ trọng trong danh mục sao cho đáp ứng được nhu cầu về tính thanh khoản, khả năng sinh lời và an toàn.

- *Quản trị quy mô, cơ cấu TSN:* Chiếm phần lớn trong

TSN của ngân hàng là vốn huy động, do vậy, quản trị quy mô, cơ cấu TSN được tập trung vào quản trị vốn huy động của ngân hàng. Quản trị vốn huy động nhằm mục tiêu là đưa ra và thực hiện các biện pháp để gia tăng quy mô và thay đổi cơ cấu vốn huy động một cách có hiệu quả nhất, sao cho nguồn vốn của ngân hàng có tính ổn định cao và chi phí thấp nhất.

- *Quản trị thu nhập và chi phí:* TSC mang lại thu nhập cho ngân hàng, ngược lại TSN sẽ làm phát sinh các khoản chi phí cho ngân hàng, một trong những mục tiêu hoạt động của ngân hàng là tối đa hóa lợi nhuận, do vậy cần phải quản trị tốt các khoản thu nhập và các khoản chi phí phát sinh từ các tài sản của ngân hàng, mà chủ yếu là các khoản thu nhập và chi phí mang tính chất lãi. Quản trị thu nhập và chi phí phát sinh từ các TSC, TSN của ngân hàng cũng là một nội dung quan trọng trong quản trị cấu trúc Bảng Cân đối kế toán của ngân hàng, được thực hiện thông qua quản trị lãi suất cho vay, đầu tư và quản trị chi phí huy động vốn của ngân hàng.

### 1.3.2. Quản trị rủi ro thanh khoản

Quản trị rủi ro thanh khoản là việc NHTM sử dụng hệ thống các cơ chế quản trị, giải pháp nghiệp vụ và công cụ kỹ thuật thích hợp nhằm duy trì thường xuyên trạng thái cân bằng cung và cầu thanh khoản, xử lý kịp thời những tình huống rủi ro thanh khoản nhưng vẫn bảo đảm khả năng sinh lời cho ngân

hàng. Quản trị rủi ro thanh khoản của NHTM phải hướng tới các mục tiêu chủ yếu sau:

- Đảm bảo khả năng đáp ứng tất cả các nghĩa vụ trả nợ vào bất cứ lúc nào, bao gồm cả trong điều kiện thị trường bất lợi. Các ngân hàng cần xây dựng một quy trình đo lường, dự báo và giám sát thường xuyên trạng thái thanh khoản. Ngân hàng có thể sử dụng nhiều phương pháp để dự báo nhu cầu thanh khoản như phương pháp tiếp cận nguồn vốn và sử dụng vốn, phương pháp tiếp cận cấu trúc vốn, thang đảo hạn... Ngoài ra, các ngân hàng cũng cần phân tích trạng thái thanh khoản theo các kịch bản khác nhau.

- Tối thiểu hoá chi phí của lợi nhuận bị bỏ qua trên thanh khoản nhàn rỗi. Nếu tại một thời điểm nào đó, ngân hàng có thặng dư thanh khoản, nhà quản trị phải sẵn sàng đầu tư phần thanh khoản vượt trội, tránh phải trả chi phí cơ hội do để vốn nhàn rỗi không tạo ra thu nhập.

- Đáp ứng yêu cầu dự trữ tối thiểu và các yêu cầu theo qui định pháp luật khác liên quan đến trạng thái tiền mặt.

- Tránh thêm chi phí cho việc đi vay khẩn cấp và thanh lý tài sản bắt buộc.

### 1.3.3. Quản trị rủi ro lãi suất

Những thay đổi về lãi suất có thể có ảnh hưởng bất lợi đến thu nhập cũng như giá trị kinh tế của ngân hàng. Điều này xuất phát từ sự chênh lệch về kỳ hạn giữa TSN và TSC của ngân hàng. Do vậy, ALM của ngân hàng cần phải giảm thiểu

được những thiệt hại do rủi ro lãi suất gây ra.

Quản trị rủi ro lãi suất là việc ngân hàng tổ chức một bộ phận nhằm nhận biết, định lượng những tổn thất đang và sẽ gây ra từ rủi ro lãi suất để từ đó có thể giám sát và kiểm soát rủi ro thông qua việc lập nên những chính sách, chiến lược sử dụng những công cụ phòng ngừa và hạn chế rủi ro lãi suất từ các hoạt động kinh doanh của ngân hàng một cách đầy đủ, toàn diện và liên tục.

## 2. Chất lượng ALM của ngân hàng thương mại

### 2.1. Quan điểm về chất lượng ALM của ngân hàng thương mại

Chất lượng quản trị TSN, TSC của NHTM là tập hợp những yếu tố cơ bản của quá trình quản trị nhằm thực hiện chức năng ALM mạnh mẽ để đạt được các mục tiêu ALM của ngân hàng. Trong đó, những yếu tố thuộc tính cơ bản của quản trị TSN, TSC của ngân hàng gồm:

- **Hệ thống thông tin ALM:** Đây là 1 hệ thống thông tin quản trị (MIS) để cung cấp các thông tin cho quản trị ngân hàng nói chung và quản trị TSN, TSC nói riêng. Hệ thống thông tin này cần sẵn sàng cung cấp các thông tin một cách đầy đủ, chính xác và thích hợp với yêu cầu của quản trị nhằm đạt được các mục tiêu đặt ra. Muốn vậy, các ngân hàng cần phải ứng dụng công nghệ thông tin trong việc xây dựng hệ thống thông tin đa dạng và hiệu quả.

- **Cơ cấu tổ chức ALM:**

Ngân hàng cần thiết lập cơ cấu tổ chức ALM một cách chặt chẽ, tức là phải xác định được các cấp nào, bộ phận, phòng ban nào tham gia vào quá trình ALM, trong đó cụ thể hóa chức năng nhiệm vụ, trách nhiệm của mỗi cấp, mỗi bộ phận và thiết lập mối quan hệ giữa các cấp, các bộ phận với nhau để đảm bảo quá trình quản trị được thực hiện một cách nhịp nhàng, thông suốt và đạt hiệu quả cao nhất.

**- Chính sách và quy trình ALM:** Phạm vi chức năng của ALM bao trùm quản trị rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất, các kế hoạch vốn cũng như các dự toán lợi nhuận. Để việc quản trị TSN, TSC đạt chất lượng cao, cần phải có chính sách, quy trình một cách cụ thể, rõ ràng và phải được văn bản hóa để phổ biến tới tất cả những bộ phận có liên quan trong việc thực hiện các chức năng ALM.

## 2.2. Các chỉ tiêu đánh giá chất lượng ALM của ngân hàng thương mại

Để đánh giá chất lượng ALM của NHTM, trước tiên cần đánh giá xem ngân hàng đã hội tụ được các yếu tố cơ bản và chất lượng của các yếu tố đó như thế nào để thực hiện được quá trình ALM, đồng thời đánh giá xem quá trình ALM có đạt được những mục tiêu đặt ra hay không, đạt ở mức độ nào. ALM được coi là đạt chất lượng cao nếu hoàn thiện được các yếu tố cơ bản của quá trình ALM và các mục tiêu đặt ra đều được thực hiện một cách tốt nhất. Cụ thể, có thể đánh giá chất lượng

ALM qua các nhóm chỉ tiêu sau:

### \* Các chỉ tiêu định tính

Nhóm các chỉ tiêu định tính phản ánh chất lượng ALM là các chỉ tiêu thuộc về các yếu tố cơ bản để thực hiện được quá trình ALM tốt nhất. Theo thông lệ quốc tế về ALM, cần đánh giá những yếu tố cơ bản sau:

- Chính sách ALM có được xây dựng và truyền đạt, hướng dẫn thực hiện một cách có hiệu quả hay không. Trong chính sách ALM có bao quát được hết các khía cạnh, nội dung thuộc chức năng của ALM hay không.

- Quy trình ALM có hiệu quả trong việc xác định, đo lường, kiểm soát và giám sát các rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất hay không.

- Tổ chức bộ máy ALM có được thiết lập và đảm bảo tính độc lập và tập trung trong việc thực hiện ALM hay không.

- Hệ thống thông tin quản trị có tập trung và cung cấp được những thông tin có giá trị, đầy đủ, chính xác và kịp thời cho phép ALM đạt mục tiêu tốt nhất hay không.

- Thông tin kiểm toán nội bộ về ALM có đầy đủ và có hiệu quả không. Phạm vi và mức độ thường xuyên kiểm toán có phù hợp không.

### \* Các chỉ tiêu định lượng

Các chỉ tiêu định lượng để đánh giá chất lượng ALM của NHTM là những chỉ tiêu phản

ánh mục tiêu của ALM cần đạt được ở các nội dung của ALM. Cụ thể, các chỉ tiêu đánh giá chất lượng ALM theo từng nội dung như sau:

*Thứ nhất, các chỉ tiêu đánh giá chất lượng quản trị cấu trúc bảng Cân đối kế toán*

ALM cần duy trì được tốc độ tăng trưởng về quy mô và thiết lập được cơ cấu TSC và TSN hợp lý, tối ưu, đảm bảo tính sinh lời, khả năng thanh khoản của TSC và chi phí thấp nhất cho các TSN nhằm gia tăng thu nhập lãi ròng cho ngân hàng. Đánh giá chất lượng quản trị cấu trúc Bảng Cân đối kế toán cần xem xét đến các khía cạnh, chỉ tiêu sau:

- Việc thiết lập cấu trúc Bảng cân đối kế toán có hợp lý không thể hiện ở việc lập kế hoạch nguồn vốn và sử dụng vốn có sát với thực tế trong quá trình thực hiện hay không.

- Xem xét, phân tích các chỉ tiêu đánh giá tính hợp lý của quy mô, cơ cấu TSN, TSC trong điều kiện biến động của các yếu tố thị trường. Cụ thể các chỉ tiêu đó gồm:

(1) *Chỉ tiêu đánh giá quy mô TSN, TSC của ngân hàng*

Quy mô TSC và TSN thể hiện ở tổng giá trị TSC và TSN của NHTM. ALM cần xây dựng được kế hoạch tăng trưởng về quy mô của TSC và TSN sao cho có thể đạt được trên thực tế. Do vậy để đánh giá chỉ tiêu này chỉ cần so sánh giữa tốc

$$\text{Tốc độ tăng trưởng của TSC (TSN)} = \frac{\text{Tổng TSC (TSN)}_t - \text{Tổng TSC (TSN)}_{t-1}}{\text{Tổng TSC (TSN)}_{t-1}} \times 100\%$$

độ tăng trưởng của tổng TSC, TSN theo báo cáo so với các chỉ tiêu kế hoạch.

(2) Các chỉ tiêu đánh giá cơ cấu TSN, TSC của ngân hàng

Về cơ cấu TSN: Mỗi loại TSN của ngân hàng có sự khác nhau về chi phí, về thời hạn và mức độ rủi ro. Do vậy, một cơ cấu TSN hợp lý là sự kết hợp các loại nguồn vốn sao cho chi phí thấp và có sự ổn định cao. Đánh giá cơ cấu TSN của ngân hàng có thể sử dụng những chỉ tiêu cơ bản sau:

Một là, tỷ trọng từng khoản mục TSN.

$$\frac{\text{Tỷ trọng khoản mục TSN}_i}{\text{Giá trị khoản mục TSN}_i} \times 100\% = \frac{\text{Giá trị khoản mục TSN}_i}{\text{Tổng TSN}} \times 100\%$$

Trong đó, TSN được phân theo các tiêu chí cơ bản: Theo kỳ hạn (không kỳ hạn, có kỳ hạn); theo đối tượng huy động (cá nhân, tổ chức kinh tế hoặc huy động trên thị trường 1 hay huy động từ thị trường 2); theo đồng tiền huy động (VND, ngoại tệ).

Các chỉ tiêu này cho phép đánh giá cơ cấu TSN biến động theo chiều hướng nào về chi phí, về sự ổn định nguồn vốn của ngân hàng căn cứ vào tính chất của từng khoản mục TSN.

Hai là, chi phí cho TSN. Các ngân hàng cần tìm cho mình một tổ hợp các nguồn vốn khác nhau trên thị trường với mức chi phí thấp nhất. Vì nếu giả thiết coi tất cả các yếu tố khác như nhau thì ngân hàng nào có mức chi phí huy động vốn thấp nhất mà không phải chấp nhận mức rủi ro cao hơn thì ngân

hàng đó sẽ có mức lợi nhuận cao hơn, tăng khả năng sinh lời của ngân hàng.

Về cơ cấu TSC: Cơ cấu tài sản thể hiện mức độ đầu tư của ngân hàng vào mỗi loại tài sản, nó được quyết định bởi khả năng sinh lời, tính thanh khoản và mức độ rủi ro khác nhau của mỗi loại tài sản. Đánh giá tính hợp lý của cơ cấu TSC cần xem xét đến sự cân đối, hài hòa giữa khả năng sinh lời và tính thanh khoản của tài sản thể hiện qua các chỉ tiêu sau:

- Tỷ trọng TSC sinh lời trong tổng tài sản:

$$\frac{\text{Tỷ trọng TSC sinh lời}}{\text{Tổng TSC sinh lời}} = \frac{\text{Tỷ trọng TSC sinh lời}}{\text{Tổng Tài sản}} \times 100\%$$

Trong đó, TSC sinh lời là những tài sản tạo ra nguồn thu cho ngân hàng dưới dạng thu lãi và thu ngoài lãi và chủ yếu là khoản mục đầu tư và cho vay. Tiền mặt tại quỹ và các máy móc thiết bị là các loại tài sản không sinh lời. Do vậy có thể xác định:

$$\begin{aligned} \text{TSC sinh lời} &= \text{Các khoản cho vay} + \text{các khoản cho thuê} \\ &+ \text{Đầu tư chứng khoán} \\ &= \text{Tổng tài sản} - (\text{Tiền mặt tại quỹ} + \text{tiền dự trữ} + \text{máy móc thiết bị và TSCĐ}). \end{aligned}$$

Chỉ tiêu này đánh giá tỷ trọng đầu tư vào TSC sinh lời của ngân hàng. Nhìn chung, khi tỷ trọng TSC sinh lời giảm, hội đồng quản trị và nhân viên của ngân hàng phải làm việc tích cực hơn để có thể duy trì mức thu nhập hiện tại. Do vậy, chỉ tiêu này càng cao sẽ càng đem lại nhiều thu nhập cho ngân

hàng song cũng cần xem xét đến tính rủi ro và tính thanh khoản của các tài sản này.

- Tỷ trọng TSC không sinh lời hoặc không trực tiếp sinh lời: Ngoài các TSC sinh lời thì ngân hàng cũng cần duy trì các tài sản không sinh lời, sinh lời thấp nhưng có tính thanh khoản cao nhằm đáp ứng nhu cầu thanh khoản, và những tài sản không trực tiếp sinh lời nhưng rất cần thiết để phục vụ quá trình hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Do vậy cần đánh giá cơ cấu của các tài sản này thông qua các chỉ tiêu sau:

Một là, chỉ số trạng thái tiền mặt và ngân quỹ:

$$\frac{\text{Trạng thái tiền mặt}}{\text{Tiền mặt}} = \frac{\text{Trạng thái tiền mặt}}{\text{Tổng Tài sản}} \times 100\%$$

Chỉ số này thể hiện khả năng thanh khoản nhanh của ngân hàng tại thời điểm báo cáo. Về lý thuyết, nếu chỉ số trạng thái tiền mặt càng lớn thì ngân hàng càng có khả năng thanh khoản tức thời để xử lý các nhu cầu tiền mặt tức thời. Tuy nhiên, nếu chỉ tiêu này quá cao thì lại làm giảm lợi nhuận của ngân hàng bởi vì đây là các tài sản không sinh lời hoặc hầu như không sinh lời cho ngân hàng. Điều này thể hiện công tác quản trị thanh khoản của ngân hàng chưa có hiệu quả về chi phí cho dù có hạn chế được rủi ro thanh khoản. Theo chuẩn mực quốc tế, chỉ tiêu này dao động ở mức 2-3% là hợp lý.

Tương tự như chỉ số trạng thái tiền mặt, chỉ số trạng thái ngân quỹ đánh giá tỷ trọng các

tài sản có tính thanh khoản cao trong tổng số tài sản của ngân hàng. Chỉ số này cũng có quan hệ thuận chiều với khả năng thanh khoản của ngân hàng và quan hệ nghịch chiều với tính sinh lời cũng như độ rủi ro thanh khoản của ngân hàng.

Trạng thái ngân quỹ =

$$\frac{\text{Tiền mặt + TGKKH tại TCTD khác + TG thanh toán tại NHNN}}{\text{Tổng Tài sản}} \times 100\%$$

*Hai là*, chỉ số chứng khoán thanh khoản:

$$\frac{\text{Chứng khoán thanh khoản = Chứng khoán Chính phủ}}{\text{Tổng Tài sản}} \times 100\%$$

Các chứng khoán: Trái phiếu và tín phiếu kho bạc (gọi chung là chứng khoán chính phủ) là những chứng khoán có độ thanh khoản cao nhất. Chỉ số chứng khoán thanh khoản càng cao, trạng thái thanh khoản của ngân hàng càng tốt. Theo chuẩn mực quốc tế thì các NHTM cần duy trì tối thiểu chỉ tiêu này ở mức 4% để đảm bảo khả năng thanh khoản trong hoạt động.

*Ba là*, tỷ trọng đầu tư vào tài sản cố định.

$$\frac{\text{Tỷ trọng TSCĐ = Giá trị TSCĐ}}{\text{Tổng Tài sản}} \times 100\%$$

Chỉ tiêu này đánh giá mức độ đầu tư vào TSCĐ của ngân hàng, đây là loại tài sản không trực tiếp sinh lời nên ngân hàng cần duy trì ở mức độ vừa phải sao cho việc sử dụng tài sản là có hiệu quả nhất.

- Hiệu quả sử dụng tài sản:

Hiệu quả sử dụng tài sản là một thước đo chất lượng của việc quản trị danh mục tài sản của ngân hàng. Rõ ràng, một cơ cấu tài sản hợp lý sẽ đem lại thu nhập cao cho ngân hàng và làm tăng hiệu quả sử dụng tài sản. Nếu chỉ tiêu này giảm thì ngân hàng cần xem xét lại các chính sách liên quan đến danh mục đầu tư tài sản để xác định xem liệu sự giảm sút này có phải là các yếu tố trong tầm kiểm soát của ngân hàng hay không.

$$\text{Hiệu quả sử dụng tài sản} = \frac{\text{Hiệu quả sử dụng tài sản = Tổng thu từ hoạt động}}{\text{Tổng Tài sản}} \times 100\%$$

*Về đánh giá khả năng sinh lời:* Mục tiêu của việc quản trị cấu trúc bảng Cân đối kế toán là thiết lập được cơ cấu TSN và TSC hợp lý nhằm gia tăng thu nhập cho ngân hàng, do vậy, bên cạnh các chỉ tiêu đánh giá riêng về sự hợp lý của cơ cấu TSN và cơ cấu TSC thì cần đánh giá xem với cơ cấu TSN, TSC như vậy đã đạt được mục tiêu cuối cùng là làm tăng khả năng sinh lời cho ngân hàng hay chưa. Có thể sử dụng chỉ tiêu thu nhập lãi cận biên để đánh giá khả năng sinh lời từ cơ cấu TSN, TSC như sau:

$$\text{Tỷ lệ thu nhập lãi cận biên (NIM)} = \frac{\text{Thu lãi từ các khoản cho vay và đầu tư chứng khoán - Chi phí lãi cho tiền gửi và nợ khác}}{\text{Tổng TSC}} \times 100\%$$

Tỷ lệ thu nhập lãi cận biên là thước đo tính hiệu quả cũng như khả năng sinh lời. Chúng chỉ ra năng lực của hội đồng quản trị và nhân viên ngân

hàng trong việc duy trì sự tăng trưởng của các nguồn thu từ lãi (chủ yếu là thu từ cho vay, đầu tư) so với mức tăng của chi phí lãi (chủ yếu là chi phí trả lãi cho tiền gửi, những khoản vay trên thị trường tiền tệ). Tỷ lệ thu nhập lãi cận biên đo lường mức chênh lệch giữa thu từ lãi và chi phí trả lãi mà ngân hàng có thể đạt được thông qua hoạt động kiểm soát chặt chẽ tài sản sinh lời và theo đuổi các nguồn vốn có chi phí thấp nhất. Do vậy, nếu cơ cấu TSN, TSC hợp lý, tối ưu thì sẽ làm cho tỷ lệ này gia tăng qua các năm.

*Thứ hai, các chỉ tiêu đánh giá chất lượng quản trị rủi ro thanh khoản của ngân hàng*

Một trong những mục tiêu quan trọng của quản trị rủi ro thanh khoản là phải đảm bảo duy trì được khả năng thanh khoản của ngân hàng với chi phí thấp nhất. Về mặt định lượng, để đánh giá chất lượng quản trị rủi ro thanh khoản cần xem xét đến các khía cạnh sau:

- Phương pháp nào được sử dụng để đo lường trạng thái thanh khoản của ngân hàng, ngân hàng có thiết lập các hạn mức thanh khoản hay không, và các chỉ tiêu về trạng thái thanh khoản có được kiểm soát nằm trong các hạn mức đó không?

- Các tín hiệu của thị trường có cho thấy việc quản trị rủi ro thanh khoản của ngân hàng cần xem xét lại hay không.

Cụ thể, các chỉ tiêu đánh giá chất lượng quản trị rủi ro thanh khoản của ngân hàng bao gồm:

(1) Các chỉ tiêu phản ánh trạng thái thanh khoản của

*ngân hàng*

Cần xem xét các chỉ tiêu này có được kiểm soát trong hạn mức không. Các chỉ tiêu này phụ thuộc vào phương pháp đo lường trạng thái thanh khoản của ngân hàng sử dụng là phương pháp nào. Về cơ bản có thể sử dụng hai phương pháp là phương pháp chỉ số và phương pháp thang đo hạn như sau:

+ *Phương pháp chỉ số thanh khoản*: Các chỉ số rút ra từ bảng cân đối kế toán và cơ sở dữ liệu hiện tại, ngoài các chỉ tiêu về cơ cấu TSC, TSN phản ánh tính thanh khoản như đã phân tích ở trên, các chỉ số đánh giá trạng thái thanh khoản so với hạn mức cần xem xét đến bao gồm:

Một là, chỉ số cho vay/tiền gửi

Chỉ số cho vay/tiền gửi =

$$\frac{\text{Dư nợ cho vay khách hàng trước dự phòng rủi ro}}{\text{Tiền gửi của khách hàng}} \times 100\%$$

Tiền gửi của khách hàng

Đây là chỉ tiêu thể hiện khả năng tự huy động để sử dụng cho vay (tự cấp tín dụng) của ngân hàng tại thời điểm báo cáo. Dư nợ cho vay được xem là tài sản ít thanh khoản nhất và đem lại lợi tức cao nhất, do vậy nếu chỉ tiêu này càng lớn thì khả năng thanh khoản của ngân hàng sẽ càng thấp, tuy nhiên lại đem lại lợi nhuận nhiều hơn cho ngân hàng.

*Hai là, chỉ số nguồn vốn ngắn hạn dùng để cho vay trung dài hạn*

Chỉ số nguồn vốn ngắn hạn dùng để cho vay trung dài hạn =

$$\frac{\text{Dư nợ trung dài hạn - Nguồn vốn trung dài hạn}}{\text{Nguồn vốn ngắn hạn}} \times 100\%$$

Chỉ tiêu này thể hiện việc ngân hàng đã dùng bao nhiêu % các nguồn vốn ngắn hạn để tài trợ cho vay trung, dài hạn. Chỉ tiêu này càng thấp thì khả năng thanh khoản của ngân hàng càng cao và ngược lại. Theo chuẩn mực quốc tế, các ngân hàng thương mại nên duy trì chỉ tiêu này tối đa ở mức 20% để đảm bảo thanh khoản trong hoạt động.

*Ba là, tỉ lệ khả năng chi trả*

$$\frac{\text{Tỷ lệ khả năng chi trả = Tổng TSC có thể thanh toán ngay}}{\text{Tổng TSN đến hạn thanh toán ngay}} \times 100\%$$

Đây là chỉ tiêu đánh giá khả năng thanh khoản của ngân hàng trong tương lai, phản ánh trạng thái thanh khoản ngắn hạn của ngân hàng bằng việc dùng các TSC có thể thanh toán ngay để đáp ứng các nghĩa vụ trả nợ đến hạn thanh toán. Nếu chỉ số khả năng thanh toán càng cao thì ngân hàng được xem là có khả năng thanh khoản ngắn hạn càng cao và ngược lại. Theo chuẩn mực quốc tế, các ngân hàng nên duy trì chỉ tiêu này ở mức tối thiểu là 25% tại bất kỳ thời điểm nào để đảm bảo khả năng thanh khoản trong hoạt động. Theo quy định tại Thông tư số 13/2010/TT-NHNN ngày 20/5/2010 của NHNN thì việc tính toán duy trì khả năng thanh toán được xem xét trong vòng 7 ngày và 1 tháng tiếp theo.

+ *Phương pháp thang đo hạn (phân tích thanh khoản động)*: Là phương pháp quản trị rủi ro thanh khoản bằng cách dự đoán cung cầu thanh khoản, dự đoán chênh lệch cung cầu (khe hở, GAP) thanh khoản, từ đó đưa ra chính sách quản trị rủi ro thanh khoản. Thực chất phương pháp này cuối cùng xác định được các GAP năng động theo các dải thời hạn khác nhau. Ví dụ, các NH thường sắp xếp các luồng tiền vào và luồng tiền ra theo các thời hạn là 1 ngày, 1 tuần, 1 tháng, 3 tháng...

$$\text{GAP năng động} = \text{Tổng cung thanh khoản} - \text{Tổng cầu thanh khoản} = \text{GAP tĩnh} \pm \text{dự báo}$$

Và GAP năng động đó cần được kiểm soát trong một hạn mức nhất định.

(2) *Xem xét các tín hiệu thị trường*

Bên cạnh việc xem xét các chỉ tiêu thanh khoản, để đánh giá xem quản trị rủi ro thanh khoản của ngân hàng đã đạt được những mục tiêu đề ra hay chưa thì tiêu chuẩn cuối cùng cần dựa vào những tín hiệu của thị trường. Phương pháp này tập trung vào các nguyên tắc của thị trường tài chính. Ví dụ, hãy xem xét câu hỏi này: Ngân hàng có thực sự nắm giữ mức thanh khoản hợp lý không? Câu trả lời phụ thuộc vào vị trí của ngân hàng trong thị trường. Không một ngân hàng nào có thể nói chắc chắn rằng liệu dự trữ thanh khoản của nó là hợp lý nếu như chưa vượt qua được những thử thách của thị trường. Về hình thức, nhà quản

trị thanh khoản cần chú ý tới những dấu hiệu sau:

+ Lòng tin của công chúng: Có bằng chứng nào cho thấy tiền gửi của ngân hàng sẽ giảm do các cá nhân và tổ chức lo ngại rằng ngân hàng sẽ cạn kiệt tiền mặt hoặc không thể thanh toán được các giấy nợ hay không?

+ Sự vận động trong giá cổ phiếu: Liệu giá cổ phiếu của ngân hàng có giảm bởi vì các nhà đầu tư nhận thấy rằng một cuộc khủng hoảng thanh khoản đang xảy ra hay sắp xảy ra với ngân hàng hay không?

+ Phân bù rủi ro trên chứng chỉ tiền gửi các khoản đi vay khác: Có bằng chứng nào cho thấy ngân hàng đang phải trả một mức lãi suất cao hơn đáng kể trên tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn (đặc biệt là CDs quy mô lớn) và các khoản vay vốn trên thị trường tiền

tệ so với các ngân hàng khác cùng quy mô hoạt động trên cùng thị trường hay không? Nói một cách khác, phải chăng thị trường đang áp đặt một mức bù rủi ro dưới hình thức chi phí vay vốn cao hơn bởi vì thị trường cho rằng một cuộc khủng hoảng thanh khoản đang đe dọa ngân hàng?

+ Tồn thất trong việc bán tài sản: Gần đây ngân hàng có buộc phải bán tài sản với tồn thất đáng kể nhằm mục đích đáp ứng yêu cầu thanh khoản? Đây là một sự kiện ít khi xảy ra hay đã trở thành sự kiện thường xuyên?

+ Khả năng đáp ứng yêu cầu tín dụng của khách hàng: Ngân hàng có thể đáp ứng mọi yêu cầu vay vốn hợp lý, có lợi từ những khách hàng có chất lượng tín dụng cao hay không, hay áp lực về thanh khoản buộc nhà quản trị ngân hàng từ chối

một số yêu cầu vay vốn đáng được chấp nhận?

+ Vay vốn từ ngân hàng trung ương (NHTW): Ngân hàng có bị buộc phải vay thường xuyên với quy mô lớn từ NHTW hay không? Liệu các cán bộ NHTW có bắt đầu đặt câu hỏi về các khoản vay vốn của ngân hàng hay không?

Nếu câu trả lời của bất kỳ một câu hỏi nào trên đây là có, nhà quản trị cần xem xét thật cẩn thận chính sách và thực tế quản trị thanh khoản của ngân hàng để quyết định xem ngân hàng cần phải thực hiện những thay đổi gì.

*Thứ ba, các chỉ tiêu đánh giá chất lượng quản trị rủi ro lãi suất của ngân hàng*

Mục tiêu của quản trị rủi ro lãi suất là duy trì rủi ro lãi suất của ngân hàng trong phạm vi các tham số tự áp đặt trong khoảng thay đổi lãi suất. Hệ

### SUMMARY

#### Establishing quality assessment criteria for liabilities and assets management in commercial banks

*After global financial crisis in 2008, commercial banks realized the important role of assets and liabilities management (ALM). Typical activities of banks mainly are “funding for lending”, creating debt instruments and financial assets whose net interest incomes as well as values depend heavily on fluctuations of market factors. The inability of banks to control the mismatch of maturity between liabilities and assets, the excessive credit growth without quality control, the lack of liquidity reserve, ... lead banks to liquidity shortage and the loss of interest income as well as bank capital, especially those risks have exacerbated the imbalance of the global macroeconomic crisis in 2008. Therefore, improving quality of ALM in commercial banks plays an important role in liquidity risk management, interest risk management that resulted in increasing banks' interest income and net value. This paper will provide an overview of ALM in commercial banks then establishing a criteria quality assessment system of ALM in commercial bank, which is one of the necessary content in raising quality of ALM in banks.*

### THÔNG TIN TÁC GIẢ

Trịnh Hồng Hạnh, Thạc sỹ

Đơn vị công tác: Khoa Ngân hàng, Học viện Ngân hàng

Lĩnh vực nghiên cứu chính: Quản trị Tài sản Có – Tài sản Nợ của NHTM

Tạp chí tiêu biểu đã có bài viết đăng tải: Tạp chí Khoa học & Đào tạo Ngân hàng

Email: hanhhongtrinh1004@gmail.com

thống các giới hạn về rủi ro lãi suất và hướng dẫn về chấp nhận rủi ro là phương tiện để đạt được mục tiêu này. Do vậy để đánh giá chất lượng quản trị rủi ro lãi suất cần đánh giá trên những nội dung sau:

*Thứ nhất*, ngân hàng có hệ thống đo lường rủi ro lãi suất phù hợp với bản chất, phạm vi và mức độ phức tạp của ngân hàng và các hoạt động hay không.

*Thứ hai*, ngân hàng có thiết lập và kiểm soát được rủi ro lãi suất trong giới hạn cho phép hay không. Ví dụ, các giới hạn về rủi ro lãi suất có thể đặt ra với các chỉ tiêu như Bảng 1.

Nâng cao chất lượng ALM của NHTM là một trong những nội dung quan trọng nhằm hoàn thiện hệ thống quản trị kinh doanh của ngân hàng, giúp các ngân hàng đảm bảo sự cân bằng giữa lợi nhuận, tăng trưởng và mức độ rủi ro. Trong đó không thể thiếu được việc xây dựng hệ thống các chỉ tiêu đánh giá chất lượng ALM. Bài viết đã tổng hợp các vấn đề chung về ALM của NHTM nhằm làm rõ các yếu tố cơ bản của quá trình ALM, mục tiêu và nội dung ALM của NHTM. Từ đó, đưa ra quan điểm về chất lượng ALM cũng như xây dựng hệ thống chỉ tiêu đánh giá chất lượng ALM của NHTM. Tác giả mong nhận được ý kiến trao đổi từ các nhà khoa học và bạn đọc quan tâm về nội dung của bài viết. ■

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. PGS.TS Phan Thị Cúc, 2009,

*Quản trị ngân hàng thương mại, NXB Giao thông Vận tải.*

2. Rudolf Duttweiler, Thanh Hằng (người dịch), 2010, *Quản lý thanh khoản trong ngân hàng, NXB Tổng hợp Thành phố HCM.*

3. PGS.TS Tô Ngọc Hưng, 2009, *Giáo trình Ngân hàng thương mại, NXB Thống kê.*

4. PGS.TS Nguyễn Thị Mùi, 2008, *Quản trị ngân hàng thương mại, NXB Tài chính.*

5. Peter Rose, 2011, *Quản trị ngân hàng thương mại, NXB Tài chính.*

6. GS. TS. Nguyễn Văn Tiến, 2010, *Quản trị rủi ro trong kinh doanh ngân hàng, NXB Thống kê.*

7. Com Bkg, 2008, *Commercial Banking, Asset Liability Management.*

8. Anil Choudhary Amit Soni, 2009, *Asset Liability Management.*

---

## tiếp theo trang 8

với kỳ hạn ngắn. Vì vậy, việc ổn định môi trường kinh tế vĩ mô là điều kiện tiên quyết hiện nay để tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển trong dài hạn. Ổn định môi trường kinh tế vĩ mô phải được thực hiện đồng bộ giữa kiểm chế lạm phát, thu hẹp thâm hụt tài khoản vãng lai và giảm thâm hụt ngân sách.

Nhìn chung, mặc dù các tỷ lệ về nợ công vẫn nằm trong ngưỡng an toàn và cơ cấu nợ (bao gồm nợ nước ngoài và nợ trong nước) là khá tích cực nhưng những rủi ro tiềm ẩn vẫn tồn tại đe dọa đến tình trạng an toàn nợ công Việt Nam. Nếu không được kiểm soát chặt chẽ, những rủi ro này có thể đẩy Việt Nam vào vùng có nguy cơ khủng hoảng nợ. Do đó, việc

nhìn nhận chính xác những rủi ro từ nhiều khía cạnh để có những chính sách khắc phục và đối phó kịp thời là quan trọng và cần thiết. ■

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. PGS.TS.Tô Kim Ngọc (2012), “Khủng hoảng nợ công tại một số nước liên minh châu Âu và bài học kinh nghiệm trong sự phối hợp giữa chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa cho Việt Nam”, *Đề tài nghiên cứu khoa học cấp ngành năm 2012*

2. Nguyễn Đức Thành (2011), “Nợ công ở Việt Nam: Một số phân tích và thảo luận”, *Hội thảo về Kinh tế Việt Nam năm 2011, triển vọng năm 2012 và các giải pháp thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2011-2015.*

3. Bộ Tài chính, *Bản tin nợ nước ngoài số 3, tháng 8/2014*

4. Mai Thu Hiền và Nguyễn Thị Như Nguyệt (2011), “Tình hình nợ công và quản lý nợ công ở Việt Nam”, *Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Số 14.*

5. Emanuele Baldacci, Manmohan Kumar (2010), “Fiscal Deficits, Public Debt, and Sovereign Bond Yields”, *IMF Working Paper No. 10/184.*

6. Ugo Panizza (2008), “Domestic and external public debt in developing countries”, *United Nations Conference on Trade and Development (UNCTAD).*